



Danh mục sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư - Lớp Đồng Ấu

- Tiểu dẫn
Học văn
Bài tập đọc:
1. Tôi đi học.
2. Tập đọc.
3. Tập viết.

4. Yêu mến cha mẹ.
5. Giúp đỡ cha mẹ.
6. Thân thể người ta.
7. Khuyến học.
8. Đồ dùng của học trò.
9. Tràng học làng tôi.
10. Ăn uống có lễ phép.
11. Đưa trẻ có lễ phép.
12. Những giống vật nuôi trong nhà.
13. Gọi dạ bảo vâng.
14. Người học trò tốt.
15. Người học trò xấu.
16. Đi phải thưa, về phải trình.
17. Thờ cúng tổ tiên.
18. Học trò đối với thầy.
19. Anh em bạn học.
20. Sớm tối thăm nom cha mẹ.
21. Mùa cấy.
22. Mùa gặt.
23. Anh em như thể tay chân.
24. Chú bác cô dì.
25. Thức khuya, dậy trưa.
26. Học quốc ngữ.
27. Cảnh mùa xuân.
28. Mùa mưa.
29. Mấy điều cần cho sức khỏe.
30. Làm ruộng phải mùa.
31. Công việc ngoài đồng.
32. Con gà sổng (trống).
33. Phải sạch sẽ.
34. Cây tre.
35. Chim hoàng anh.
36. Học hành phải siêng năng.
37. Cháu phải kính mến ông bà.
38. Cây to bóng mát.
39. Thờ mẹ kính cha.
40. Đừng để móng tay.
41. Chớ nhỏ bậy bạ.
42. Việc cày cấy.
43. Quyển gia phả (gia phả).
44. Cái đồng hồ của anh tôi.
45. Ngày giờ.
46. Cầu mưa.
47. Con cóc.
48. Chim chèo bẻo.
49. Thương yêu kẻ tôi tớ.

50. Không nên tắm rửa nước bẩn⁽¹⁾.
51. Đói cho sạch rách cho thơm.
52. Con trâu với người đi cày.
53. Tham thực cực than.
54. Cả nhà ai cũng có công việc.
55. Cảnh đồng nhà quê.

(1) dơ.

Ghi chú:

Trong sách này, những tiếng đứng giữa ngoặc đơn, hay (), là tiếng Trung kỳ của tiếng Bắc kỳ đứng trước; những tiếng có số ở dưới bài là tiếng Nam kỳ của tiếng Bắc kỳ có số viết lên trên (superscript) tương ứng.

Ví dụ 1: này (này); (này): tiếng “này”, đứng giữa ngoặc đơn (), là tiếng Trung kỳ của “này”, tiếng Bắc kỳ.

Ví dụ 2: xin xem câu “Năm nay tôi lên⁽¹⁾ bảy” trong bài “1. TÔI ĐI HỌC” dưới đây và tiếng có số “(1) nên”, bên dưới bài (nhưng không nằm trong phần giải nghĩa). Ở đây với “(1) nên” có nghĩa là “nên” là tiếng Nam kỳ của “lên”⁽¹⁾, tiếng Bắc kỳ với số viết lên trên ở đây là (1). Nói cách khác, “lên” là tiếng Bắc kỳ và “nên” là tiếng Nam kỳ có cùng một ý nghĩa. Xin xem chú cước ở cuối bài TIÊU DẪN trong QVGKT - Lớp Đồng Ấu.

Ngoài ra với các từ ghép, QVGKT ấn bản năm 1935 hay dùng dấu nối, hay hyphen (-), giữa các từ này. Ví dụ: cao-ráo, lêu-lông trong QVGKT ấn bản năm 1935. Ngày nay ít ai dùng dấu nối (-) giữa các từ ghép, trừ các từ phiên âm từ các tiếng nước ngoài, như bu-gi, ki-lo-gam (do các từ bougie, kilogramme của Pháp). Trong bản đánh máy này, các từ ghép sẽ không dùng các dấu nối (-), khác với các từ ghép trong nguyên bản QVGKT - Lớp Đồng Ấu ấn bản năm 1935.

(Ghi chú của TV).

1. TÔI ĐI HỌC

Năm nay tôi lên⁽¹⁾ bảy. Tôi đã lớn. Tôi không chơi đùa lêu lổng⁽²⁾ như mấy năm còn bé. Tôi đi học. Tôi học đọc, học viết, học tính, học vẽ và nhiều *khoa học* khác nữa. Tôi cố tôi học. Tôi chăm tôi học. Học sao cho mau *tấn tới*, cho “văn hay chữ tốt”, cho cha mẹ và thầy giáo được vui lòng.

(1) nên. – (2) cà rờn.

Giải nghĩa

Lêu lổng = tha hồ chơi đùa không ai ngăn cấm.

Khoa học = các môn học dạy ở nhà trường như luân lý, toán học, địa dư, sử ký.

Tấn tới = mỗi ngày một giỏi hơn lên.

Văn = chỉ các bài làm.

Bài tập

Học tiếng - Lêu lổng - khoa học - cố học - chăm học - tấn tới - văn hay chữ tốt - vui lòng.

Câu hỏi - Năm nay anh lên mấy? - Anh ra trường học được bao lâu rồi? Anh học những gì? - Anh học làm sao?

Văn hay chữ tốt

2. TẬP ĐỌC

Thầy bảo anh Xuân đọc.

Anh ấy đứng dậy. Hai tay cầm quyển sách, nâng lên *vừa tầm con mắt*, không che lấp mặt đi. Anh đứng thẳng, đầu không *lúc lắc*. Mắt nhìn mòm đọc. Anh ấy đọc thông thả, rõ ràng từng câu một. Chúng tôi ngồi nghe, ai nấy cũng hiểu cả. Anh ấy đọc hết bài, thầy bảo ngồi xuống.

Giải nghĩa

Lúc lắc = đưa đi đưa lại sang hai bên.

Vừa tầm con mắt = vừa để con mắt trông rõ không xa, không gần quá.

Bài tập

Học tiếng - Ngay - thông thả - rõ ràng - lúc lắc - vừa tầm.

Đặt câu - Phép đọc sách người phải đứng cho..... đầu không được Quyển sách phải nâng cho..... con mắt. Tiếng đọc phải cho và.....

Đọc sách thông thả rõ ràng

3. TẬP VIẾT

Anh Hạ đang tập viết. Anh ngồi ngay ngắn. Đầu hơi ngả về đằng trước, ngực không dựa vào bàn. Anh nhìn *chữ mẫu* thầy viết trên bảng đen. Anh cúi xuống viết. Tay trái đề lên quyển vở, thẳng với mép bàn. Tay phải (tay mặt) cầm bút⁽¹⁾, đưa lên đưa xuống trông cũng dè⁽²⁾. Anh viết nét còn hơi run, nhưng thầy cho đã là *khá*, vì anh cẩn thận, chịu *nắn nót*⁽³⁾ từng nét một.

(1) cán viết. - (2) dịu dàng. - (3) nắn nọt.

Giải nghĩa

Chữ mẫu = chữ dùng để làm kiểu cho mình cứ theo như thế mà viết.

Khá = gần được.

Nắn nót = để ý cố viết cho tốt.

Bài tập

Học tiếng - Ngồi ngay ngắn - ngả đầu - dựa - tay trái - tay phải - dè - run - khá - nắn nọt.

Câu hỏi - Phép ngồi viết: 1^o người ngồi phải thế nào? - 2^o đầu phải thế nào? - 3^o ngực phải thế nào? - 4^o tay trái để đâu? - 5^o tay phải làm gì?

Ngồi viết không dựa ngực vào bàn

4. YÊU MẸN CHA MẸ

Sáng nay lúc tập viết xong, tôi lại *thăm bà* tôi. Bà tôi nắm lấy tay tôi mà hỏi rằng: "Cháu có yêu thầy mẹ cháu không? - Cháu có yêu. - Tại làm sao mà yêu? - Cháu biết rồi, hôm qua thầy giáo mới dạy rằng: Cha mẹ *sinh* ra con, nuôi cho con lớn, lại chăm cho con học, vậy kẻ làm con phải biết yêu cha mẹ".

Giải nghĩa

Thăm = hỏi han ân cần.

Sinh = đẻ ra.

Bà = người sinh ra hay sinh ra mẹ mình.

Bài tập

Học tiếng - Biết yêu - lớn - chăm - con.

Đặt câu - Cha mẹ sinh ra- Nuôi cho con.....-Kể làm con phải.....cha mẹ. -Thầy dặn rằng: học trò phải học.

Làm con phải yêu cha mẹ**5. GIÚP ĐỠ CHA MẸ**

Cha mẹ tôi, sáng nào cũng dậy sớm, *nấu cơm* ăn, rồi đi ra đồng, làm lưng khó nhọc. Về nhà lại phải chăm nom lợn, gà, *xay lúa*, *giã gạo*. Tôi thấy thế, lấy làm thương lắm, cho nên khi học, viết xong, thì tôi quét nhà, giữ em, hay chăn bò để giúp cha mẹ. Và khi cha mẹ có sai bảo việc gì, tôi cũng làm ngay.

Tôi giúp đỡ được việc cho cha mẹ như vậy, thì tôi rất lấy làm vui sướng.

Giải nghĩa

Nấu cơm = đổ nước, tra gạo vào nồi, đun nấu lên cho chín.

Xay lúa = đổ thóc vào cối rồi quay cho vỏ rời hạt gạo ra.

Giã gạo = lấy gạo đã xay rồi đổ vào cối mà đập.

Bài tập

Học tiếng - Nấu cơm - khó nhọc - giúp đỡ - dậy sớm.

Đặt câu - Sáng nào tôi cũng.....- Cha mẹ tôi.....ăn rồi mới ra đồng làm. - Cha mẹ tôi làm lưng tôi lấy làm thương lắm. -Tôi được nhiều việc cho cha mẹ.

Giúp đỡ cha mẹ**6. THÂN THỂ NGƯỜI TA**

Thân thể người ta chia làm ba phần, là: đầu, mình và chân tay. Trên đầu thì có tóc, đằng trước là mặt. Đầu thì có cổ liền với mình. Đằng trước mình thì trên là ngực, dưới là bụng. Đằng sau mình là lưng. Chân tay liền với mình. Tay thì có cánh tay và bàn tay. Chân thì có đùi, *ống chân* và bàn chân. Tay để cầm, chân để đi.

Người ta lại có tai, mắt, mũi, mồm⁽¹⁾. Tai để nghe, mắt để trông, mũi để ngửi, mồm⁽¹⁾ để ăn.

(1) miệng.

Giải nghĩa

Thân thể = mình mẩy, chân tay.

Ống chân = phần chân từ đầu gối đến bàn chân.

Bài tập

Câu hỏi - Thân thể người ta chia làm mấy phần? Đằng trước mình có những gì? Đằng sau là gì? Chân tay để làm gì?

Tai để nghe, mắt để trông

7. KHUYẾN HỌC (Bài học thuộc lòng)

Hỡi các cậu bé con!
Đang lúc *tuổi còn non*,
Các cậu phải chăm học,
Có học mới nên *khôn*.

Giải nghĩa

Khuyến học = khuyên bảo về việc học.
Hỡi = tiếng gọi đặt ở đầu câu.
Tuổi còn non = còn ít tuổi.
Khôn = biết hay, dở, phải, trái.

Bài tập

Học tiếng - Khuyến học - chăm học - khôn - tuổi còn non.

Đặt câu - Những bài ca khuyên bảo về việc học hành là bài.....- Lúc ta.....ta phải cố mà.....Ta có chịu học thì mới.....

Có học mới nên khôn

8. ĐỒ DÙNG CỦA HỌC TRÒ

Học bài thì phải có sách; chép bài thì phải có vở; viết thì phải có quản bút⁽¹⁾, ngòi bút⁽²⁾ và mực. Kẻ dòng (gạch hàng) thì phải có thước và bút chì. Muốn cho mực viết chóng khô thì phải có giấy thấm. Muốn xoá bỏ những chữ sai lầm phải có cái tẩy⁽³⁾. Tập viết, tập vẽ, làm tính muốn cho tiện, phải có *bảng đá* và *bút chì*⁽⁴⁾ *đá*. Học trò đi học phải *sắm* cho đủ đồ dùng. Mà lại phải giữ gìn cho cẩn thận, chớ để mất mát, làm tốn tiền của cha mẹ.

(1) cán viết. - (2) ngòi viết. - (3) cục gôm. - (4) viết chì.

Giải nghĩa

Bảng đá, bút chì đá = gọi như vậy là vì làm bằng một thứ đá mềm và xam xám đen.
Sắm = mua cái gì để dùng.

Bài tập

Học tiếng - Học bài - chép bài - thấm - tẩy - sắm - cẩn thận - tốn tiền.

Câu hỏi - Sách, vở dùng làm gì? Bút, bút chì dùng làm gì? Thước, tẩy dùng làm gì? Bảng đá và bút chì đá dùng làm gì?

Giữ gìn các đồ dùng cho cẩn thận

9. TRÀNG HỌC LÀNG TÔI

Tràng học làng tôi *ngăn* làm ba *gian*. Mỗi gian là một lớp học. Mỗi lớp có một thầy giáo và nhiều học trò. Tôi học lớp *Đông ầu*, đi vào thì ở bên tay phải (tay mặt). Xung quanh tràng có một khoảnh đất thật to. Đàng trước thì là vườn hoa, cây cảnh tốt

tươi đẹp đẽ. Đằng sau thì là sân chơi rộng rãi, anh em chúng tôi vẫn ra chơi bời và *tập thể thao* ở đó.

Giải nghĩa

Ngăn = chia cách biệt ra.

Gian = khoảng; có nơi gọi là căn.

Đồng ấu = trẻ con.

Tập thể thao = tập thân thể cho cứng mạnh.

Bài tập

Học tiếng - Gian - lớp - tay phải (tay mặt) - vườn hoa - sân chơi.

Câu hỏi - Tràng học làng anh có mấy lớp? Anh học ở lớp nào? Xung quanh tràng học có gì? Đằng trước có gì? Đằng sau có gì?

Tôi học ở lớp Đồng ấu

10. ĂN UỐNG CÓ LỄ PHÉP

Đến bữa ăn, tôi thấy cha mẹ, anh chị ngồi đông đủ cả rồi, tôi mới ngồi. Trước khi ăn, tôi mời cha mẹ, anh chị, rồi tôi mới ăn. Lúc ăn, tôi không nhai *nhồm nhoàm*, không *khua* đũa khuấy bát, và không *đánh rơi đánh vãi*. Cha mẹ cho món gì, tôi ăn món nấy. Không bao giờ tôi dám đòi ăn thứ nọ thứ kia, hoặc chê ít chê nhiều.

Khi ăn xong, bao giờ tôi cũng nói "xin vô phép"⁽¹⁾ cha mẹ và anh chị rồi tôi mới đứng dậy.

(1) Ở Nam kỳ thì không thế. Khi ăn xong thì hai tay nắm ngang lấy đôi đũa mà xá vài xá, rồi mới đứng dậy.

Giải nghĩa

Nhồm nhoàm = phồng mồm nhai tộp tộp (nhóp nhép), không gọn gàng.

Khua = đụng chạm, gõ đập rầm rĩ.

Đánh rơi đánh vãi, có nơi gọi là *làm rơi rớt*.

Bài tập

Học tiếng - Bữa ăn - mời - khuấy bát - khuấy đũa - đánh rơi - đánh vãi.

Câu hỏi - Trước khi ăn thế nào là có lễ phép? Lúc ăn thế nào là ngoan? Khi ăn xong phải nói gì?

Ăn uống có lễ phép

11. ĐƯA TRẺ CÓ LỄ PHÉP

Anh Bình đang ngồi xem sách, *chợt* thấy một người khách *lạ* đến nhà. Anh liền đứng dậy, chắp tay vái chào. Khách hỏi: "Thầy mẹ em có nhà không? Anh đáp: Thưa ông, thầy mẹ con ra chợ vắng cả. Khách bảo: Khi thầy mẹ về thì em nói rằng có ông Bá ở làng bên lại chơi, nhé⁽¹⁾! Anh Bình cúi đầu nói: Vâng ạ".

Ông khách ra về, khen *thâm*: thằng bé này thật có lễ phép.

(1) nghe.

Giải nghĩa

Chợt = vụt chốc, bất thình lình.

Lạ = không quen biết.

Thâm = nghĩ trong bụng không nói ra.

Bài tập

Học tiếng - Chợt - khen - chấp tay - khách lạ.

Đặt câu - Thấy..... vào nhà phải chào. - Anh Bình đứng dậy..... vái chào.- Trẻ có lễ phép thì ai cũng- Mẹ tôi ra vắng.

Khách vào nhà phải chào

12. NHỮNG GIỐNG VẬT NUÔI TRONG NHÀ

Những giống vật người ta nuôi trong nhà là: mèo, chó, lợn⁽¹⁾, gà, trâu, bò và ngựa.

Mèo thì bắt chuột, chó thì giữ nhà, lợn gà thì để ăn thịt, trâu bò thì để cày bừa ruộng đất, ngựa thì để cỡi hay kéo xe. Gống nào cũng có ích cho ta cả, cho nên khi ta đã nuôi nó thì phải cho nó ăn uống và *chăm nom*⁽²⁾ đến nó, đừng đánh đập mà *tội nghiệp*.

(1) heo. – (2) coi sóc.

Giải nghĩa

Chăm nom = có bụng ân cần săn sóc đến.

Tội nghiệp = làm cái gì để tội cho mình.

Bài tập

Học tiếng - Giữ nhà - cày - bừa - cỡi.

Đặt câu - Ở nhà quê ai cũng phải nuôi chó để - Ngồi trên lưng ngựa gọi là ... ngựa.-

Lật đất lên gọi là..... - Làm nhỏ đất đã cày lên tức là.....

Chó giữ nhà mèo bắt chuột

13. GỌI DẠ BẢO VÂNG

Bảo vâng, gọi dạ, con ơi!

Vâng lời *sau trước*, con thời chớ quên.

Công cha, nghĩa mẹ *khôn đền*.

Vào thưa ra *gửi*, mới nên con người.

Giải nghĩa

Sau trước = cận kề, bao giờ cũng vậy.

Khôn = khó, không dễ.

Đền = bồi thường, trả lại.

Gửi = trình, hỏi, thưa.

Bài tập

Học tiếng - Quên - vâng - dạ - đền.

Đặt câu - Cha gọi thì tôi....- Mẹ bảo gì thì tôi.....- Nó không dám lời thầy dạy. - Con phải ăn ở hiếu thảo để.... công cha mẹ.

Câu hỏi - Mẹ gọi thì con thưa thế nào? - Cha bảo gì thì con trả lời làm sao? Một đứa trẻ ngoan phải làm thế nào để đền công cha mẹ?

Gọi dạ bảo vâng

14. NGƯỜI HỌC TRÒ TỐT

Anh Cần rất chăm chỉ. Bài học nào anh cũng thuộc. Bài làm nào anh cũng được thầy khen. Anh đi học đúng giờ. Trong lớp anh có *ý tứ* và *dễ dạy*. Anh lễ phép với thầy, tử tế với bạn. Nên thầy và bạn ai cũng có lòng yêu mến anh.

Anh Cần là một người học trò tốt. Tôi cố bắt chước theo cho được như anh Cần.

Giải nghĩa

Ý tứ = để bụng nghĩ đến cái gì.

Dễ dạy = bảo cái gì nghe cái ấy.

Bài tập

Học tiếng - Chăm chỉ - đúng giờ - ý tứ - lễ phép - tử tế.

Đặt câu - Người học trò tốt đi học.....nghe lời thầy giải nghĩa. - Người học trò tốt.....với thầy.....với bạn và học hành.....

Học hành phải chăm chỉ

15. NGƯỜI HỌC TRÒ XẤU

Anh Tam ngày ngày cũng cắp sách đến trường, nhưng kỳ thực anh *ham chơi* hơn thích học. Anh biếng nhác lắm. Đã lười nhác, anh lại còn *lơ đễnh* (lơ lểnh), khó bảo, vô phép và bần thiêu⁽¹⁾ nữa. Nên ở trong lớp, thầy quở phạt anh luôn và bạn hữu chúng tôi chẳng mấy người ưa anh được.

Nếu anh Tam không mau mau sửa tính lại, thì chẳng là *đáng thẹn* với quyển sách anh cắp đến trường sao!

(1) dơ dáy.

Giải nghĩa

Ham chơi = mê chơi quá.

Lơ đễnh = không để ý vào việc mình làm.

Đáng thẹn = làm điều lỗi mà trong lòng lấy làm xấu hổ.

Bài tập

Học tiếng - Lười biếng - bần thiêu - vô phép - lơ đễnh.

Đặt câu - Người học trò không chăm chỉ là.....không có tứ là không có phép là không sạch sẽ là.....

Lười biếng thì khó đến thân

16. ĐI PHẢI THỪA, VỀ PHẢI TRÌNH

Trước khi anh Giáp đi đâu, anh cũng xin phép cha mẹ có cho đi, anh mới dám đi. Nếu không cho đi, thì chẳng bao giờ anh dám đi. Đến lúc về, anh lại *trình* cha mẹ rằng anh đã về. Như thế là anh Giáp biết giữ lễ phép với cha mẹ: đi phải thưa, về phải trình.

Giải nghĩa

Trình = nói với người trên rằng mình có việc gì hay làm việc gì.

Bài tập

Học tiếng - Đi đâu - xin phép - về - trình - lễ phép.

Đặt câu - Anh mà vội thế? - Cha ra đồng đã..... rồi. - Con phải giữ..... với cha mẹ. - Hãy đợi đấy, để tôi vào.....cha mẹ tôi đã. - Em đãcha mẹ chưa mà dám đi?

Đi phải thưa, về phải trình

17. THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Tổ tiên là các cụ đời xưa sinh ra ông bà, cha mẹ mình. Bởi có tổ tiên mới có ông bà cha mẹ, và có cha mẹ mới có mình. Vậy mình phải nhớ ơn tổ tiên mới được.

Cho nên cứ đến ngày giỗ, ngày tết, thì con cháu đều đến tại nhà *trưởng tộc* mà *cúng lễ* tổ tiên.

Cũng có nhà, cứ ngày giỗ cụ nào, thì người trưởng tộc lại kể *tính hạnh* và *công đức* của cụ ấy cho con cháu nghe. Vậy cũng là một cách tỏ lòng nhớ ơn rất hay.

Giải nghĩa

Trưởng tộc = người đầu họ.

Cúng lễ = lễ bái trước bàn thờ.

Tính hạnh = tâm địa và nét na.

Công đức = sự nghiệp tốt.

Bài tập

Học tiếng - Trưởng tộc - nhớ ơn - cha mẹ - tổ tiên.

Đặt câu - Bởi có mới có cha mẹ. - Bởi có mới có mình. - Đến ngày giỗ, con cháu đều đến tại nhà mà cúng lễ. - Cúng giỗ là một cách tỏ lòng.....

Con cháu thờ cúng tổ tiên

18. HỌC TRÒ ĐỐI VỚI THẦY

Ở trường học, thầy dạy gì tôi phải nghe, thầy bảo gì tôi phải làm. Tôi *vâng lời* thầy. Lúc vào học, lúc học về, tôi phải chào thầy. Cả những khi gặp ở giữa đường, hoặc ở nhà ai, tôi cũng phải *vái* chào cho có phép.

Tôi thật có bụng kính mến thầy tôi, chẳng khác gì kính mến cha mẹ vậy.

Giải nghĩa

Vâng lời = bảo sao nghe vậy.

Vái = chắp tay cúi đầu xuống. Có nơi gọi là xá.

Bài tập

Học tiếng - Kính mến - chào - làm - nghe.

Đặt câu - Khi thầy dạy gì thì phải.....thầy bảo gì thì phải.....Trong bụng lúc nào cũng phải thầy.

Kính mến thầy như cha mẹ

19. ANH EM BẠN HỌC

Ở nhà trường anh em bạn học nhiều. Mà chẳng mấy người là giống nhau: anh bé, anh lớn, anh cao, anh thấp. Anh thì quần nâu áo vải, anh thì the lụa lượt là⁽¹⁾. Có anh thật hiền lành

tử tế, có anh lại *hung dữ* đáo đẽ. Tôi, thì coi anh nào cũng như anh nào. Tôi không *ăn hiếp* ai, cũng không xác xược với ai. Tôi có bụng nhường nhịn yêu quý tất cả các anh ấy như anh em ruột một nhà vậy.

(1) Anh thì quần bô áo vải, anh thì quần lụa áo hàng.

Giải nghĩa

Hung dữ = tính bạo tợn, hay quấy (khuấy) chọc.

Ăn hiếp = cậy khoẻ mà đè nén những kẻ yếu hơn mình.

Bài tập

Học tiếng - Anh em ruột - anh em bạn - bắt nạt - yêu quý - nhường nhịn.

Đặt câu - Anh em con một nhà là..... Anh em chơi bời với nhau là.....- Anh em chơi bời với nhau chẳng nênnhau .- Phải có bụngvànhau mới được.

Coi anh em bạn như anh em ruột

20. SỚM TỐI THĂM NOM CHA MẸ

Tối nào tôi cũng thăm nom⁽¹⁾ cha mẹ, rồi tôi mới đi ngủ. Sáng sớm dậy, tôi *súc miệng*, rửa mặt, mặc quần áo *tiêm tất* rồi, tôi lại đến hỏi thăm cha mẹ xem đêm qua có ngủ ngon không. Cha mẹ *ngủ ngon* thì tôi lấy làm vui mừng. Hoặc phải khi cha mẹ ngủ không được yên giấc, thì tôi lấy làm buồn rầu. Bao giờ tôi cũng mong cho cha mẹ được ăn ngon ngủ yên luôn.

(1) viếng.

Giải nghĩa

Súc miệng = ngậm nước vào mồm mà rửa rồi nhổ đi.

Tiêm tất = tử tế, chỉnh tề.

Ngủ ngon = ngủ được thích mắt, đầy giấc.

Bài tập

Học tiếng - Sáng sớm - rửa mặt - vui mừng - buồn rầu - yên giấc.

Câu hỏi - Trước khi con đi ngủ phải làm gì? Sáng sớm dậy phải làm gì? Cha mẹ ngủ ngon thì mình thế nào? Cha mẹ ngủ không được yên giấc thì mình thế nào?

Sớm tối thăm nom cha mẹ

21. MÙA CÂY

Ở nhà quê, đến vụ cấy lúa, ngoài đồng trông cũng vui mắt. Chỗ này (này) cày, chỗ kia bừa, chỗ thì năm bảy người đàn bà cúi *lom khom*, tay cầm nắm mạ, tay cấy xuống ruộng. Những người đi cấy hay chuyện trò vui vẻ lắm. Có khi vừa làm vừa hát. Họ hát lắm câu thật là *dịu dàng* êm ái, ai cũng muốn nghe.

Giải nghĩa

Lom khom = cúi người xuống gần mặt đất.

Dịu dàng = êm giọng, dễ nghe.

Bài tập

Câu hỏi - Người đi cấy đứng thế nào? Hai tay làm gì? Người đi cấy làm gì mà vui?

Thơ cây hát dịu dàng

22. MÙA GẶT

Đến mùa lúa chín, những người không có ruộng nương, rủ nhau đi gặt thuê⁽¹⁾.

Mỗi người vác cái *đòn xóc* hay cái *đòn càn* và đeo cái *hái* đi từng bộn năm bảy người. Họ đến những nhà có ruộng mà kiếm việc làm. Nhà chủ ruộng định công đặt giá xong rồi, cho người đưa họ ra ngoài đồng mà gặt.

Những người đi gặt thuê như thế thường được tiền và thóc đủ ăn trong hai ba tháng.

(1) mướn.

Giải nghĩa

Đòn xóc = đòn gánh làm bằng nửa ống tre cái, hai đầu nhọn.

Đòn càn = cũng như đòn xóc, nhưng thường làm bằng cả ống tre đực.

Hái = một thứ đồ dùng để cho người đi gặt, gặt lúa; có nơi gọi là văng.

Bài tập

Học tiếng - Định công đặt giá - ruộng nương - rủ nhau - đủ ăn.

Đặt câu - Có người làm lưng khó nhọc mà không Những nhà có.....phải lo cày cấy. - Córồi mới cho thợ ra đồng đi gặt. Những người không có ruộng nương, đến mùa.....đi gặt thuê.

Những người đi gặt thuê được tiền đem về

23. ANH EM NHƯ THỂ TAY CHÂN

(Bài học thuộc lòng)

Anh em nào phải người xa.
Cùng chung *bác mẹ* một nhà cùng *thân*,
Yêu nhau như thể tay chân,
Anh em hoà thuận *hai thân* vui vầy.

Giải nghĩa

Bác mẹ = cha mẹ.

Thân = gần gũi, thiết tha.

Hai thân = hai cha mẹ.

Bài tập

Học tiếng - Chân tay - bác mẹ - hai thân - hoà thuận.

Đặt câu - Anh em cóthì cha mẹ mới được vui. Anh em yêu nhau như thể.....-Nói và..... cũng nghĩa là nói cha mẹ

Câu hỏi - Anh em phải yêu nhau như thế nào? Anh em không hoà thuận thì cha mẹ làm sao? Những người cùng chung bác mẹ là ai? Anh em là người xa hay gần?

Anh em như thể tay chân

24. CHÚ BÁC CÔ DÌ

Hôm nay, nhân có việc thằng em tôi nó *hỗn* với cô tôi, nên mẹ tôi đánh mắng nó rồi bảo chúng tôi rằng:

Chú, bác, cô, dì, cậu, mợ, là những bậc ngang hàng với cha mẹ mình, cùng dự phần vui buồn với cha mẹ mình. Vậy các con là cháu, cũng phải kính mến các bậc ấy như là cha mẹ. Các con cũng phải có lễ phép và vâng lời, mà không được *hỗn* láo, thì mới phải đạo làm cháu.

Giải nghĩa

Hỗn = vô phép với người bề trên.

Chú = em cha.

Bác = anh cha.

Cô = chị em với cha.

Dì = chị em với mẹ.

Cậu = anh em với mẹ.

Mợ = vợ cậu mình.

Bài tập

Học tiếng - Ngang hàng - lễ phép - đánh mắng - vâng lời.

Đặt câu - Vì em tôi *hỗn* láo, nên mẹ tôi.....nó. - Chú, bác là bậcvới cha mẹ. Cháu phải với cô, dì.

Chú cũng như cha

25. THỨC KHUYA, DẬY TRƯA

Đêm đã khuya, hai em còn cứ chơi cười mãi. Chị hỏi: "Sao các em chưa đi ngủ thế?"

Hai em đáp: Chúng tôi chưa buồn ngủ, hôm nay chúng tôi thức khuya chơi cũng được. Mai chủ⁽¹⁾ nhật nghỉ, *tha hồ* mà ngủ trưa.

Chị bảo: không nên. Các em không nên thức khuya: thức khuya hại sức khoẻ lắm. Mà các em cũng không nên dậy trưa: dậy trưa thì nặng nề, khó chịu, mà lại ra lười biếng. Người ta thức ngủ phải có *điều độ* mới được".

(1) chúa.

Giải nghĩa

Tha hồ = ý nói ngủ trưa đến bao giờ dậy cũng được.

Điều độ = vừa phải.

Bài tập

Học tiếng - Buồn ngủ - nặng nề - khó chịu - điều độ.

Câu hỏi - Tại làm sao không nên thức khuya? Tại làm sao không nên ngủ trưa? Thức ngủ thế nào là phải?

Thức ngủ phải có điều độ

26. HỌC QUỐC NGỮ

Tí _ Anh đi đâu đây?

Sửu _ Tôi đi học đây.

Tí _ Anh đi học tự bao giờ, anh học cái gì?

Sửu _ Tôi đi học đã được vài tháng nay. Tôi học *quốc ngữ*.

Tí _ Quốc ngữ là cái gì?

Sửu _ Khôn nản! anh không biết quốc ngữ là chữ của nước ta ư? Học quốc ngữ thú lắm anh ạ. Mới có mấy tháng nay mà giấy má gì tôi đọc cũng chạy, và ai nói gì tôi viết cũng được.

Tí _ Ồ thế à! Thế thì để tôi về tôi nói với *thầy* mẹ tôi cũng cho tôi ra tròng học.

Giải nghĩa

Quốc ngữ = chính nghĩa là tiếng nói riêng của một nước. Trong bài đây chỉ lối chữ của nước ta dùng thay chữ nôm.

Thầy = tiếng trẻ hay dùng để gọi cha.

Bài tập

Học tiếng - Học - đọc - viết - quốc ngữ - ra tròng.

Đặt câu - Tôi quốc ngữ đã mấy tháng nay. Bây giờ tôi..... tôi.....quốc ngữ đã thông lắm. - chính nghĩa là chữ của nước nhà. - Trẻ nước nhà ai cũng phảihọc quốc ngữ.

Tôi tròng học quốc ngữ

27. CẢNH MÙA XUÂN

Một năm chia làm bốn mùa, là: xuân, hạ, thu, đông. Mà trong bốn mùa, thì mùa xuân là vui vẻ hơn cả. Vì mùa xuân trời không nóng, không lạnh. Lại có *mưa phùn* làm cho cỏ cây hoa lá đều có vẻ tốt tươi. Đến mùa ấy thì những *loài* chim, loài bướm, loài nào cũng hình như mạnh mẽ *hớn hở* hơn cả các mùa khác.

Giải nghĩa

Mưa phùn = mưa hạt nhỏ lắm lắm.

Loài = cũng như tiếng giống.

Hớn hở = có vẻ vui mừng thỏa thích.

Bài tập

Học tiếng - Tốt tươi - hớn hở - ra vẻ.

Đặt câu - Cây cối mà có chăm bón thì mới.....Đến mùa có mưa phùn, thì cây cối xem.....đẹp đẽ lắm. - Anh Tí đi học được thầy khen, xem ra bộ.....lắm.

Mùa xuân là mùa vui vẻ

28. MÙA MƯA

Về mùa mưa, lắm khi trời mưa đến ba bốn ngày không *ngớt*. Những ngày mưa như thế, trên trời thường có mây kéo *đen nghịt*. Thịnh thoảng có cơn gió mát lạnh, hay cái chớp sáng loè⁽¹⁾. Rồi trận mưa này chưa dứt, trận khác đã đến, cứ như trời *trút* nước xuống vậy. Ngoài đồng thì nước mưa ngập cả. Đường sá thì bùn lầy, trong nhà thì ướt át *bẩn thỉu*⁽²⁾, thật là khó chịu.

(1) lòa. – (2) dơ dáy.

Giải nghĩa

Ngớt = dứt trận mưa nhưng chưa tạnh hẳn.

Đen nghịt = đen khắp cả, không hở chỗ nào.

Trút = đổ xuống như rót.

Bản thủ = có nơi gọi là *nhóp nhúa*, *dơ nhóp*.

Bài tập

Học tiếng - Mây kéo - ướn át - trận mưa - cái chớp.

Đặt câu - Lúc trời sắp mưa thì kín cả.- Trước khi nghe thấy sấm thì ta trông thấy..... -

Hôm qua tôi đi học bị.....ướn hết cả.- Trời mưa lâu thì trong nhà.....lắm.

Trời mưa như trút nước xuống

29. MÁY ĐIỀU CẦN CHO SỨC KHỎE

(Bài học thuộc lòng)

Ăn uống vừa phải, chớ có tham lam. Thức ngủ *điều độ*, chớ nên thức khuya mà cũng chớ nên dậy trưa.

Làm lụng mệt nhọc phải có lúc nghỉ ngơi chơi bời.

Thân thể phải *năng vận động*.

Trong mình và nơi ăn, chốn ở, lúc nào cũng phải giữ cho sạch.

Giải nghĩa

Điều độ = cũng nghĩa như chừng mực.

Năng vận động = Năng: luôn luôn; vận động: cất nhắc chân tay mình mãi.

Bài tập

Học tiếng - Tham - nhiều - khuya - trưa - điều độ.

Đặt câu - Không nên ăn.... - không nên ngủ.....không nên thức - không nên dậy -

Ăn ngủ phải cho cómới khỏe mạnh.

Thân thể phải năng vận động

30. LÀM RUỘNG PHẢI MÙA (ca dao)

(Bài học thuộc lòng)

Mông tám tháng tư không mưa,
Bỏ cả cây bừa mà *lấp* lúa đi
Bao giờ cho *đến tháng mười*,
Lúa tốt bời bời, nhà đủ người no.

Giải nghĩa

Mông tám tháng tư = kỳ lúa trở đòng đòng, nếu không mưa thì hoa lúa không tốt được.

Lấp = chính nghĩa đen là lấp đất đổ đê lên trên; đây thì ý nói: bỏ đi, vứt đi.

Đến tháng mười = kỳ lúa chín gặt được đem về nhà. Ý nói nghề làm ruộng bao giờ gặt lúa về nhà mới chắc.

Bời bời = nhiều bề bộn.

Bài tập

Câu hỏi - Cày bừa để làm gì? Làm ruộng mà trời không mưa thì thế nào? Thế nào gọi là nhà đủ người no?

Lúa tốt bời bời nhà đủ người no

31. CÔNG VIỆC NGOÀI ĐỒNG

Hàng ngày tôi đi học, phải qua một cánh đồng rộng.

Tôi thường thấy: đàn ông thì cày bừa, đàn bà thì đập đất, trẻ con thì chăn trâu, chăn bò.

Lúc trời làm *khô cạn*, thì tôi thấy nào là người *khai ngòi*, *đắp bờ*, nào là người tưới cây, tát nước. Lúc nào ngoài đồng cũng có người làm, trông thật là vui vẻ.

Giải nghĩa

Hàng ngày = ngày nào cũng thế.

Khô cạn = cạn hết cả nước.

Khai ngòi = cuốc đất làm rãnh cho nước chảy.

Đắp bờ = be đất cao lên để giữ nước.

Bài tập

Học tiếng - Tát nước - đắp bờ - cánh đồng - cày - đập - chăn.

Đặt câu - Muốn sang làng bên kia, phải đi qua này (này). - Cha tôi.....ruộng, mẹ tôi.....đất. - Em tôi.....bò.- Khi ruộng khô ráo thì phải vào. - Muốn giữ lấy nước ở ruộng thì phải.....

Nhiều người làm việc ở ngoài đồng

32. CON GÀ SỐNG (TRỐNG)

Ở nhà quê, nhà nào cũng nuôi một đàn gà (bầy gà) năm bảy con. Trong một đàn gà như thế, ít ra cũng có một con gà sống (trống).

Con gà sống (trống) trông ra mạnh mẽ, *oai vệ* hơn cả. Mào⁽¹⁾ đỏ và cao, đuôi dài, chân to và có *cựa sắc*. Khi nó ăn một mình thì xem ra bộ điệu dàng êm ái. Bới⁽²⁾ đất tìm được cái gì, thì hay gọi những gà mái lại ăn. Nhưng khi nào có con khác đến, thì *hung hăng* đuổi đánh. Có khi đá nhau cả ngày, trụi cả lông trên cả cổ mà không thôi. Thật là một giống bạo dạn không sợ kẻ khỏe.

(1) mông. - (2) bươi.

Giải nghĩa

Oai vệ = ra dáng hách, trông đáng sợ.

Cựa sắc = cái móng nhọn ở sau chân con gà.

Hung hăng = dáng bộ dữ tợn.

Bài tập

Học tiếng - Oai vệ - trụ - dịu dàng - ít ra - trầy.

Đặt câu - Con gà này đem bán cũng được bốn hào (giác). Con gà mái trông bao giờ cũng.....hơn gà sổng. - Hai con gà đánh nhau cả lông....- Nó ngã trượt.....da ra. Con gà sổng trônglắm.

Gà trông trông mạnh mẽ oai vệ

33. PHẢI SẠCH SẼ

Một cậu bé *đầu bù tóc rối*, mặt mũi *nhem nhuốc*⁽¹⁾, tay chân dơ bẩn. Có người bảo: "Học trò sao mà dơ bẩn thế?" _ Cậu bé đáp lại rằng: "Học giỏi thì hơn, ở sạch ích gì?" _ Người kia cầm lấy tay cậu bé, thông thả mà bảo rằng: "Người ta trước hết phải sạch sẽ, thì mới được khỏe mạnh. Có khỏe mạnh thì trong mình mới được *khoan khoái*, muốn học tập. Nếu ăn ở dơ bẩn thì hay sinh ra bệnh tật nay đau mai ốm, còn thiết gì đến việc học nữa." _ Cậu bé nghe nói, cúi đầu xuống, biết là lời nói phải.

(1) lem luốc.

Giải nghĩa

Đầu bù tóc rối = tóc để không chải chuốt gọn gàng.

Nhem nhuốc = nhọ, bẩn, không rửa ráy cho sạch.

Khoan khoái = sung sướng, dễ chịu.

Bài tập

Học tiếng - Dơ bẩn - nhem nhuốc - đầu bù tóc rối - nay đau mai ốm.

Đặt câu - Một đứa học trò.....là đứa lười biếng.- Anh Giáp cứ.....thì học làm sao được.- Anh kia mặt mũi.... đi học phải thầy mắng. - Người nào.....thì trông gớm ghê, không ai muốn đứng gần.

Có sạch mới khỏe mạnh

34. CÂY TRE

Ở nước ta có cây tre là nhiều hơn cả. Làng nào, xóm nào cũng có tre trồng ở bờ rào, bờ lũy. Cây tre có ích cho người ta lắm. Lá thì để cho bò cho ngựa ăn; cành (nhành) thì làm rào, làm *giậu*; cây già thì làm cột nhà, kèo nhà; cây non thì làm dây, làm *lạt*; *măng* thì làm đồ ăn; rễ thì làm *bàn chải* để giặt quần áo. Một thứ cây mà có ích cho người ta như thế, thì thật là quý lắm.

Giải nghĩa

Giậu = hàng rào bằng tre, hay bằng nứa.

Lạt = dây ngắn làm bằng tre non chẻ mỏng.

Măng = mầm tre mới mọc.

Bàn chải = đồ làm bằng một miếng gỗ cắm rễ tre xén bằng nhau để khi giặt quần áo thì chải cho sạch.

Bài tập

Học tiếng - Bờ lũy - cột - kèo - bàn chải.

Đặt câu - Làm nhà phải có.....thì nhà mới vững. - Những cái....làm bằng tre không được bền. - Người ta hay dùng....để giặt quần áo. Làng nào cũng có

Tre là một loài cây có ích

35. CHIM HOÀNG ANH

Trong các thứ chim, có chim hoàng anh, ai cũng cho là đẹp. Mình vàng, mỏ đỏ, chân đen, tiếng hót *véo von*, nghe vui tai lắm. *Hàng năm* đến vụ tháng hai tháng ba, và tháng tám tháng chín, giống chim ấy hay đi từng đàn bốn năm con, ăn sâu bọ ở những cây cối nhà quê. Ấy là một loài chim có ích cho sự *trông trọt*.

Giải nghĩa

Véo von = giọng cao mà nghe hay.

Hàng năm = năm nào cũng thế.

Trông trọt = nói chung cả các công việc của nhà làm vườn và làm ruộng màu.

Bài tập

Học tiếng - Mỏ - vụ - sâu bọ - đi từng đàn - cây cối.

Đặt câu - Ở Bắc kỳ mỗi năm có hai gặt. Môm con chim gọi là.....- Giống chim sẻ hay đi- Năm nay có lắmăn hại lá cây. Trời có mưa thì mới tốt.

Đừng hại những loài chim có ích

36. HỌC HÀNH PHẢI SIÊNG NẶNG

(Bài học thuộc lòng)

Nhỏ còn *thơ dại biết chi*,
Lớn rồi đi học, học thì phải *siêng*.
Theo đòi cũng thể *bút nghiên*,
Thua em kém chị cũng nên *hổ* mình.

Giải nghĩa

Thơ dại = ít tuổi chưa biết gì.

Biết chi = chưa hiểu gì.

Siêng = chăm học, chăm làm.

Bút nghiên = bút là cái để viết, nghiên là cái để mài mực; đây bút nghiên là nói về sự học hành.

Hổ = cũng nghĩa như tiếng thẹn.

Bài tập

Học tiếng - Siêng - biết - đi học - hổ mình.

Đặt câu - Lúc còn bé tôi chưagì. Nay tôi lớn rồi, tôi.....Trẻ con đi học phải.....- Học dốt không bằng ai cũng nên.....

Câu hỏi - Trẻ con bé dại thì thế nào? Trẻ đã lớn rồi thì làm gì? Biếng học thì thế nào?

Trẻ con phải siêng học

37. CHÁU PHẢI KÍNH MẾN ÔNG BÀ

Cha mẹ mình nuôi mình khó nhọc những thế nào, thì *ông bà* mình khi trước nuôi cha mẹ mình cũng khó nhọc như vậy. Và lại lúc mình còn bé, chẳng những cha mẹ phải *nâng niu* trông nom mình mà thôi, ông bà cũng nhiều khi vì mình mà phải khó nhọc. Ông bà yêu cháu chẳng khác gì cha mẹ yêu con. Vậy mình là cháu, nên phải kính mến ông bà, cũng như kính mến cha mẹ, thì mới *phải đạo*.

Giải nghĩa

Ông bà = người sinh ra cha hoặc sinh ra mẹ.

Nâng niu = vỗ về, ôm ấp.

Phải đạo = hợp lẽ, hết bổn phận mình.

Bài tập

Học tiếng - Nuôi - khó nhọc - kính mến - ông bà.

Đặt câu - Phải biết cha mẹ..... mình khó nhọc lắm. - Cháu phải.....ông bà cũng như cha mẹ. - Khi trướcmình nuôi cha mẹ mình cũng như cha mẹ mình nuôi mình.

Cháu phải kính mến ông bà

38. CÂY TO BÓNG MÁT

Ở trước đình làng ta có một khu đất rộng có những cây đa⁽¹⁾, cây đề (bồ đề). Nhiều cây to đến hai người *ôm không xuể* (phi). Những cây ấy cành (nhành) *tỏa* ra và lá rậm *um sùm*. Các thứ chim thường hay bay đến *tụ hội* ở đó. Thật là một chỗ vui và mát nhất trong làng. Bởi thế cứ chiều mát, trẻ đi học về, rủ nhau ra nghỉ ngơi chơi đùa ở đây cho giải trí.

(1) cây đa.

Giải nghĩa

Ôm không xuể = ôm không vừa.

Tỏa = chìa ra ngoài.

Um sùm = rậm rạp, nhiều lá, nhiều cành.

Tụ hội = họp lại, nhóm lại.

Bài tập

Học tiếng - Vui thú - giải trí - xuể - khu đất.

Đặt câu - Trước nhà trảng ta có mộtđể lúc nghỉ học, học trò ra chơi. - Học rồi thì phải chơi cho.....- Cái cột này to quá, tôi ôm không.....- Ngồi chỗ có cây mát mẽ, nghe tiếng chim hót véo von, thật làlắm.

Cây to bóng mát chim hót véo von

39. THỜ MẸ KÍNH CHA

(Bài học thuộc lòng)

Công cha như núi *Thái sơn*,
Công mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Giải nghĩa

Thái sơn = tên một trái núi to ở bên Tàu, người ta thường dùng để ví với cái gì to lớn.

Như nước trong nguồn chảy ra = ý nói nhiều không bao giờ hết.

Thờ = yêu mến, kính trọng.

Cho tròn = vẹn toàn, đầy đủ.

Chữ hiếu = con biết giữ bổn phận đối với cha mẹ thì gọi là hiếu.

Đạo con = bổn phận kẻ làm con.

Bài tập

Học tiếng - Núi - nguồn - hiếu - đạo con.

Câu hỏi - Trong bài ví công cha như gì? Công mẹ như gì? Tại làm sao con phải thờ mẹ kính cha? Đạo làm con đối với cha mẹ phải thế nào?

Một lòng thờ mẹ kính cha

40. ĐỪNG ĐỂ MÓNG TAY

Các anh đừng tưởng để móng tay dài là đẹp. Nay (này) các anh thử coi mười đầu ngón tay thằng Ba xem! Ghét⁽¹⁾ nó đóng đen lại trông rất bẩn. Đã bẩn⁽²⁾ lại còn *vướng* nữa. Vì làm ăn mà để móng tay dài thì khó chịu. Nên các anh hãy nghe tôi, các anh đừng để móng tay dài làm gì. Hễ nó dài, thì nên lấy kéo cắt ngắn đi.

(1) đất. - (2) dơ.

Giải nghĩa

Vướng = lúng túng khó làm.

Bài tập

Học tiếng - Ngón tay - cắt.

Đặt câu - Mỗi bàn tay có năm- Hễ móng tay dài thìngay đi.

Không nên để móng tay dài

41. CHÓ NHỎ BẬY BẬ

Tài ngồi trong lớp cứ hay nhỏ vặt. Một bạn bà giáo bắt được, bảo Tài rằng: "Con chó nên nhỏ bậy trong lớp như thế mà bẩn⁽¹⁾ lắm. Ở nhà cũng vậy, chó nên bắt chước những bà *ăn trâu toe toét*, bả đầu nhỏ đấy. Hòn gạch, chân tường, không phải là ống nhỏ. Nhỏ bậy như thế, chẳng những là bẩn⁽¹⁾, khi nào trong đờm dãi có *vi trùng* thì lại còn *nguy hiểm* cho người khác nữa".

(1) dơ.

Giải nghĩa

Ấn trầu toe toét = quét trầu dây ra môi ra mép.

Vi trùng = vật nhỏ mắt không trông thấy.

Nguy hiểm = có thể hại đến sức khỏe, đến đời người.

Bài tập

Học tiếng - Nhỏ bậy - ổng nhỏ - bản - nguy hiểm.

Đặt câu - Ta không nên.....xuống đất bao giờ.- Vì nhỏ thế chẳng những là.....mà lại có khi.....nữa. -Ta nên nhỏ vào những.....

Không nên nhỏ bậy xuống đất

42. VIỆC CÀY CÀY

(Bài học thuộc lòng)

Rủ nhau đi cày, đi cày,
Bây giờ khó nhọc, có ngày *phong lưu*.
Trên *đồng cạn*, dưới *đồng sâu*,
Chồng cày, vợ cày, con trâu đi bừa.

Giải nghĩa

Phong lưu = đủ ăn đủ tiêu.

Đồng cạn = đồng đất cao, không có nước.

Đồng sâu = đồng đất thấp, thường hay có nước.

Bài tập

Câu hỏi - Người ta cày lúa ở đâu? Người ta cày bằng gì? Cái cày và cái bừa khác nhau thế nào? Trong bài nói ai cày ai cấy? - Con trâu làm gì?

Rủ nhau đi cày đi cấy

43. QUYỀN GIA PHẢ (GIA PHỞ)

Hôm nọ nhà có *giỗ*, tôi thấy cha tôi lấy một quyển sách ở tủ ra xem. Tôi hỏi: Cha xem sách gì đây? _ Cha xem quyền gia phả. _ Gia phả là gì? _ Gia phả là quyển sách để chép rõ tên tuổi, đức hạnh và công trạng của *tổ tiên*. _ Vậy hôm nay cha xem để làm gì? _ Xem cho biết danh hiệu của ông để mà *khấn*, vì ngày mai là ngày *giỗ* của ông.

Giải nghĩa

Giỗ = ngày kỵ, là ngày cụ tổ đã mất đi.

Tổ tiên = các cụ đời xưa.

Khấn = quì trước bàn thờ mà lẩm nhẩm xin chứng minh cho.

Bài tập

Học tiếng - Chép - danh hiệu - gia phả - tủ.

Đặt câu - Cắt quyển sách vào.....- Trong quyểncó.....cả công trạng của tổ tiên. - Xem gia phả thì biết rõcác cụ.

Quyển gia phả của nhà tôi

44. CÁI ĐỒNG HỒ CỦA ANH TÔI

Anh tôi có một cái *đồng hồ quả⁽¹⁾ quít* vỏ bạc. Trông qua mặt kính (gương), tôi thấy trên mặt đồng hồ có những chữ số chỉ giờ và những vạch nhỏ chỉ phút. Hai cái⁽²⁾ kim chạy vòng tròn. Kim dài chỉ phút, kim ngắn chỉ giờ. Tôi để cái đồng hồ vào tai nghe tiếng *tích tắc, tích tắc*, máy chạy thật đều.

(1) trái. - (2) cây.

Giải nghĩa

Đồng hồ quả quít = gọi thế là vì đồng hồ nhỏ và tròn như quả quít.

Tích tắc = tiếng đồng hồ chạy.

Bài tập

Học tiếng - Đồng hồ quả quít - vỏ - mặt đồng hồ - mặt kính - giờ - phút - kim - tích tắc.

Câu hỏi - Cái đồng hồ của anh anh bằng gì? Trên mặt đồng hồ anh trông thấy gì? Để đồng hồ vào tai, anh nghe thấy tiếng gì?

I II III IV V VI VII VIII IX X XI XII

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

45. NGÀY GIỜ

Sáu mươi giây là một phút. Sáu mươi phút là một giờ. Một ngày có hai mươi bốn giờ. Một tuần lễ có bảy ngày là: chủ⁽¹⁾ nhật, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. Một năm có mười hai tháng là: *tháng giêng*, tháng hai, tháng ba... đếm mãi cho đến *tháng một*, *tháng chạp*. Tháng tây có ba mươi, hay ba mươi một ngày. Tháng ta có hai mươi chín hay ba mươi ngày.

(1) chúa.

Giải nghĩa

Tháng giêng = tháng đầu năm.

Tháng một = tháng thứ mười một

Tháng chạp = tháng thứ mười hai trong một năm.

Bài tập

Học tiếng - Dây - phút - giờ - ngày - tuần lễ - tháng - năm - chủ nhật - tháng giêng - tháng một - tháng chạp.

Câu hỏi - Một giờ có bao nhiêu phút? Một phút bao nhiêu giây? Một ngày có bao nhiêu giờ? Một tuần lễ có mấy ngày? Là những ngày nào? Một năm có bao nhiêu tháng? Là những tháng nào? Tháng tây bao nhiêu ngày? Tháng ta bao nhiêu ngày?

Thời giờ thăm thoắt thoi đưa

46. CẦU MƯA

(Bài học thuộc lòng)

Lạy Trời mưa xuống!
Lấy nước tôi uống,
Lấy ruộng tôi cày,
Lấy đầy bát cơm.
Lấy rơm đun⁽¹⁾ bếp.

(1) chụm.

Giải nghĩa

Cầu mưa = xin trời cho mưa.

Lấy ruộng tôi cày = ý nói có nước để cày ruộng.

Rơm = ngọn cây lúa gặt về đã đập hết hạt rồi.

Bài tập

Học tiếng - Đun - thổi cơm - cày - uống - mưa.

Đặt câu - Người ta cầu trời.....- Có mưa thì mới có nước mà có nước mà ruộng. -
Ruộng cày cấy thì mới có gạo mà.... có rơm mà..... bếp.

Trời mưa có nước mà làm ruộng

47. CON CỐC

Hễ đến chều tối thì cóc hay nhảy ra đường, ra sân để kiếm ăn. Hình con cóc thật là xấu: mồm rộng, bụng to, mắt lồi, da lưng *xù lên*⁽¹⁾ từng cục. Tuy thế, nhưng nó không *độc*, mà lại là giống có ích. Nó ăn những con sên, con giun (trùn) là giống hay phá hại những rễ cây và lá cây của người ta giồng (trồng). Vì thế cho nên nó nhảy đâu mặc nó, không ai đánh đập nó bao giờ.

(1) nổi lên.

Giải nghĩa

Xù lên = mọc nổi trên mặt da.

Độc = có nọc có thể hại người được.

Bài tập

Câu hỏi - Con cóc thường hay ở đâu? Tại làm sao anh cho con cóc là xấu? Con cóc có ích thế nào?

Con cóc là giống có ích

48. CHIM CHÈO BÈO

Có một thứ chim ta thường hay thấy ở ngoài đồng, là chim chèo bèo. Mình nó nhỏ, lông nó đen, đuôi dài và xoè ra như đuôi cá, mỏ hơi quắm lại và sắc. Nó hay ăn những

giống *côn trùng* bay ở trên trời như *chuồn chuồn*, *châu chấu*. Nó tuy nhỏ, nhưng bạo dạn lắm. Một đôi khi ta trông thấy nó đuổi đánh những con chim to và mạnh hơn nó, như quạ và *diều hâu*⁽¹⁾. Thế mà những chim khác không con nào dám đánh nó.

(1) đều.

Giải nghĩa

Côn trùng = tiếng nói chung tất cả các thứ sâu bọ, hoặc có cánh, hoặc không có cánh, như chuồn chuồn, bướm bướm, sâu róm, v.v...

Chuồn chuồn = một thứ côn trùng có bốn cánh xoè ra.

Châu chấu = một thứ côn trùng có cánh để bay và có cẳng để nhảy.

Diều hâu = một thứ chim dữ hay lượn ở trên trời, để bắt thình lình sa xuống bắt gà con hay các chim nhỏ khác mà ăn.

Bài tập

Học tiếng - Quắm lại - xoè - bạo dạn - sắc.

Đặt câu - Con chim bay thường hayđuôi ra. Những con chim dữ có cái mỏ..... -

Dao.....thì cắt gì cũng đứt.- Thấy sự nguy hiểm mà không sợ hãi là người.....

Chim chèo bẻo đánh cả diều hâu

49. THƯƠNG YÊU KẸ TÔI TỚ

(Bài học thuộc lòng)

Kẻ ăn người ở trong nhà,
Sớm khuya công việc giúp ta nhọc nhằn.
Thương người *đày đọa* chút thân,
Chớ nên *ngược đãi*, lòng *nhân mới* là.

Giải nghĩa

Kẻ ăn người ở = những người tôi tớ.

Sớm khuya = cả ngày cả đêm.

Đày đọa = phải đem mình làm tôi tớ người ta.

Ngược đãi = xử tệ, nghiệt ác.

Lòng nhân mới là = nói xuôi là: "mới là lòng nhân", nghĩa là lòng tử tế thương người.

Bài tập

Học tiếng - Thương - giúp - tôi tớ - lòng nhân.

Đặt câu - Ta chớ nên nghiệt ác với kẻ.....- Xin anh..... tôi việc ấy. - Cha tôi haykẻ yêu hèn. - Bà tôi có.....không xử tệ với người ở bao giờ.

Câu hỏi - Sao ta phải thương yêu kẻ tôi tớ? Thế nào gọi là người có lòng nhân? Làm sao kẻ ăn người ở với mình lại gọi là người phải *đày đọa*?

Thương yêu kẻ tôi tớ

50. KHÔNG NÊN TẮM RỬA NƯỚC BẮN (nhóp)

Muốn giữ mình cho sạch sẽ thì phải tắm rửa luôn. Nhưng ta phải biết rằng tắm rửa bằng nước bẩn, thì cũng hại như ở bẩn.

Ở nhà quê, nước ao thường bẩn lắm. Giặt quần, giặt áo, *vo gạo*, rửa rau, làm thịt gà, thịt vịt, cái gì cũng đem ra ao. Lại có những cóc, *nhái*, rắn, rết⁽¹⁾, chết thối ở trong ao, mà nước thì không chảy đi đâu được. Thế mà ta cứ ra đây tắm rửa thì làm gì chẳng sinh ra đau mắt, đau tai, lở lói⁽²⁾, bệnh tật. Vậy ta nên tắm rửa bằng nước sông, nước giếng, chứ đừng tắm rửa bằng nước ao.

(1) rít. - (2) lở lói.

Giải nghĩa

Vo gạo = rửa gạo cho sạch đất, sạch cám, trước khi bỏ vào nồi nấu cơm.

Nhái = vật thuộc về loài cóc, mình dài và nhỏ, da hơi nhọn nhót mà không xù ra như da cóc.

Bài tập

Câu hỏi - Tắm rửa bằng nước bẩn thì thế nào? Tại làm sao mà nước ao lại bẩn? Tắm rửa bằng nước ao thì hay sinh ra những bệnh tật gì?

Không nên tắm rửa bằng nước ao

51. ĐÓI CHO SẠCH RÁCH CHO THƠM

Người ta ăn mặc bao giờ cũng phải cho sạch sẽ. Quần áo cần phải giặt gya luôn. Mình mấy dầu có tắm rửa sạch sẽ, mà quần áo dơ bẩn, thì cũng *hôi hám*, không ai ưa. Người ta chỉ đói cơm đói gạo, nghèo tiền nghèo bạc, chứ không ai *đói nước*, *nghèo nước* bao giờ. Chỉ có lười biếng⁽¹⁾ mới ăn mặc dơ bẩn mà thôi. Ta phải nhớ câu: "Đói cho sạch, rách cho thơm".

(1) lười biếng.

Giải nghĩa

Hôi hám = mùi khó ngửi.

Đói nước, *nghèo nước* = ý nói ít nước không có đủ dùng.

Bài tập

Câu hỏi - Áo quần không giặt gya thì thế nào? Người để áo quần bẩn mà mặc là người thế nào?

Đói cho sạch, rách cho thơm

52. CON TRÂU VỚI NGƯỜI ĐI CÀY

(Bài học thuộc lòng)

Trâu ơi! ta bảo trâu này:
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

Cây cày vốn *ngiệp nông gia*,
Ta đây, trâu đây ai mà *quản công*?
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Giải nghĩa

Ngiệp nông gia = công việc của nhà làm ruộng.

Quản công = ý nói làm ăn khó nhọc mà không ngại.

Bài tập

Học tiếng - Trâu - trâu cày - ghé - chăn trâu - chuồng trâu.

Đặt câu - Cày những ruộng sâu thế nào cũng phải có..... Thứ trâu cày ruộng gọi là.... - Con trâu con gọi là con- Chỗ nuôi trâu gọi là.....- là đem nó ra ngoài đồng cho nó ăn cỏ.

Câu hỏi - Trong bài người ta bảo con trâu đi làm gì?- Nhà làm ruộng cày làm những công việc gì? Người ta bảo con trâu được ăn làm sao?

Nuôi trâu để cày ruộng

53. THAM THỰC CỰC THÂN

Sáng ngày mồng năm tháng năm, một nhà kia mua *bánh trái* để cho trẻ *giết sâu bọ*. Lũ trẻ tranh nhau ăn nhiều quá. Chẳng dè đến trưa, đứa thì kêu đau bụng, đứa thì kêu nhức đầu. Bà, mẹ vội vàng lấy dầu xoa⁽¹⁾ và lấy thuốc cho uống. *Đoạn*, bà gọi cả mấy đứa lại mà bảo rằng: Chúng bay hư quá. Ăn cái gì phải có *điều độ* chớ sao lại tham ăn đến nỗi đau bụng nhức đầu như thế. Có phải là *tham thực cực thân* không? Từ rày phải *chừa* đi mới được.

(1) thoa.

Giải nghĩa

Tham thực cực thân = tham ăn thì khổ đến thân.

Bánh trái = nói chung cả các thứ bánh và hoa quả.

Giết sâu bọ = người ta tưởng rằng sáng hôm mồng năm tháng năm ăn hoa quả thì trừ được sâu bọ ở trong bụng.

Đoạn = xong rồi.

Điều độ = chừng mực vừa phải.

Chừa = không làm như thế nữa.

Bài tập

Học tiếng - Chẳng dè - bệnh tật - lấy dầu xoa - tranh nhau.

Đặt câu - Tôi chơi tử tế với nó.....nó lại đánh tôi. - Anh ấy nhức đầu, mẹ anh ấy.....- Ba cậu học trò.....một ngòi bút đứt cả tay. - Ăn uống có chừng mực thì không hay sinh ra.....

Tham thực cực thân

54. CẢ NHÀ AI CŨNG CÓ CÔNG VIỆC

Cha tôi và anh tôi cày cuốc ở ngoài đồng. Mẹ tôi buôn bán ở ngoài chợ. Chị tôi ở nhà thì quét tước dọn dẹp trông nom⁽¹⁾ bếp núc, may vá quần áo. Vậy cả nhà tôi, ai cũng có công việc. Duy có tôi còn bé, chưa làm được việc gì. Nhưng ngày ngày tôi cắp sách đi học. Bây giờ tôi cố học tập để ngày sau lớn lên, tôi cũng làm được việc mà giúp đỡ mọi người.

(1) coi.

Giải nghĩa

Bếp núc = núc: đầu rau; bếp núc là tiếng chỉ chỗ đun nấu. Nói bếp nước là sai.

Duy có = chỉ có một mình tôi.

Bài tập

Học tiếng - Quét tước - dọn dẹp - may vá - giúp đỡ mọi người.

Câu hỏi - Cha anh và anh anh làm gì? Mẹ anh làm gì? Chị anh làm gì? Còn anh làm gì?

Người ta ai cũng có công việc

55. CẢNH ĐỒNG NHÀ QUÊ

Cánh đồng nhà quê thì đâu đâu cũng giống nhau, không mấy nơi có *phong cảnh* lạ. Nhưng nhìn cho kỹ, thì cũng có vẻ đẹp. Nhất là vào khoảng mùa xuân, ra ngoài đồng, trông thấy màu lúa *xanh biếc* ngọn gió lướt qua coi như sóng dợn. *Thỉnh thoảng* lại có con cò, con diệc bay chỗ này (này) qua chỗ khác, trông thật là vui mắt.

Giải nghĩa

Phong cảnh = nơi có vẻ đẹp để vui thú.

Xanh biếc = mùi xanh sẫm và bóng nhoáng.

Thỉnh thoảng = từng lúc một, chốc chốc lại có.

Bài tập

Học tiếng - Vẻ đẹp - lướt - khoảng - mùa xuân - lóng lánh.

Đặt câu - Vào..... tháng năm ta thì học trò được nghỉ hè. - Trông cảnh chùa làng ta có.....Ở nước ta.....vào độ tháng giêng tháng hai.- Lúc gió hiu hiu thì ngọn lúa hơi....

Gió lướt trên mặt lúa